

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HSST
Ngày: 05-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Điệp;

Ông Huỳnh Văn Năm.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1978 tại: tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T và bà Trần Thị M; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau kết án 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản” tại các bản án số 121 ngày 09/10/1998 và số 36 ngày 16/5/2002, kết án một lần về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 147 ngày 29/9/2008, đối với các lần phạm tội này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã xóa án tích; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trịnh Văn U, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp 1/5, Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 1/5, Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp 1/5, Khánh B, huyện T, tỉnh

Cà Mau; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp 1/5, Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

3. Ông Trịnh Hùng N, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp 1/5, Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 14 tháng 01 năm 2020 Trần Văn T, từ ở ấp Tân Thuộc, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, mang theo ba cái giỏ xách bằng cỏ bàng và một cây kiếm bằm, bắt xe ôm đi đến nhà ông Trịnh Văn U ở ấp 1/5, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi đến ấp 1/5 xã Khánh Bình, T xuống kênh lấy trộm chiếc xuồng Composit của ông Trịnh Văn N, bơi qua nhà ông U. T lên vào nhà nuôi gà phát hiện có nhiều boid úp gà nòi, T bắt trộm 9 con gà nòi bỏ vào 03 cái tưng bàn sau đó xuống xuồng chở gà đi về hướng cầu Rạch Cui được khoảng 300 m để về thành phố Cà Mau thì bị ông U phát hiện truy hô và được một số người dân truy đuổi bắt được T, trình báo công an lập biên bản thu lại được 9 con gà nòi và 03 cái tưng bàn, 01 chiếc xuồng Composit.

Kết luận định giá số: 02 ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, kết luận 9 con gà của ông Trịnh Văn U có trọng lượng 32 kg trị giá 3.840.000 đồng, Trị giá chiếc xuồng Composit của ông Trịnh Văn N, là 2.820.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 6.660.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả 9 con gà cho ông U và trao trả chiếc xuồng cho ông N. Ông U, ông N không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 03 cái tưng bàn, một đôi dép lười, 01 áo sơ mi.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát, chỉ yêu cầu Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Lợi dụng sơ hở của các bị hại, bị cáo Trần Văn T đã cố ý lén lút lấy trộm chiếc xe Composit của ông Trịnh Văn N có giá trị là 2.820.000 đồng để làm công cụ tiếp tục trộm 09 con gà nòi của ông Trịnh Văn U có giá trị 3.840.000 đồng. Tổng cộng, bị cáo T đã trộm 6.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu của các bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 18 tuổi và đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo B theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 khoản 1 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Bị cáo Trần Văn T là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Lẽ ra sau khi bị xét xử về các lần phạm tội trước đây, bị cáo T phải biết ăn năn hối cải, nhưng rõ ràng bị cáo hoàn toàn không có ý định sửa chữa, khắc phục sai phạm trước mà ngược lại còn tiếp tục phạm tội sau, thể hiện tính chất nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng hơn của tội phạm. Lần phạm tội này tuy không được xem là tái phạm nhưng rõ ràng về ý thức bị cáo xem thường pháp luật, không có ý thức cải tạo để thay

đổi bản thân trở thành người hữu ích cho xã hội nên cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đây là dạng tội, ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Vật chứng trong vụ án là chiếc xuống Composite của ông Trịnh Văn N và 09 con gà nòi của ông Trịnh Văn U đã được Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả xong cho ông N, ông U là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 03 cái tọng bàn bị cáo mang theo để chứa tài sản trộm là công cụ, phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy; đối với 01 một đôi dép lười, 01 áo sơ mi bị cáo không yêu cầu nhận lại hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về thủ tục tố tụng: Bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai đầy đủ tại hồ sơ nên việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/01/2020 đến ngày 22/01/2020.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 cái tọng bàn, một đôi dép lười, 01 áo sơ mi Hiện trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 3 năm 2020

giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- CQ CSĐT Công an H. Trần Văn Thời;
- CC THADS huyện Trần Văn Thời;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp